TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16/7/2020
(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Dương Thanh Bắc**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Văn Sân**; Bà **Tạ Thị Dung**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Cao Thị Hóa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa*:**

Bà: **Tô Đỗ Yến Ly** - Kiểm sát viên

Ngày 16/6/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 34/2020/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Là Thị M, sinh năm 1998

Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị đơn: Anh Lò Văn Quý, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2020, bản tự khai và các Biên bản ghi lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Là Thị M trình bày: Chị M và anh Lò văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, ĐKKH ngày 26/10/2016 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không hòa hợp. Anh Q và chị M ly thân từ năm 2018 đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không mang lại kết quả. Nay mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Q.

Về nuôi con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là Lò Thị Thùy D sinh ngày 11/7/2015 và Lò Thị Hồng M1 sinh ngày 13/11/2016 chị M có nguyện vọng được trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Thị Hồng M1, anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Thị Thùy D cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về yêu cầu của anh Q là anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Thùy D và Hồng M1 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung 01 lần số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu) chị M không đồng ý. Hiện nay chị đi làm tại Nhà hàng ở Hà Nội thu nhập 4.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên chị M không cung cấp bảng lương cho Tòa án do chị nhận lương bằng tiền mặt, không có bảng lương cụ thể. Chị M không có nhà riêng, nếu ly hôn chị sẽ trồng thêm chè, chăn nuôi gia súc để đủ điều kiện chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 11/3/2020 bị đơn Lò Văn Q trình bày: Anh Q và chị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, ĐKKH ngày 26/10/2016 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 chị M bỏ đi làm ăn xa, không chăm lo đến các con, nay chị M yêu cầu ly hôn anh Q không đồng ý ly hôn. Muốn cùng chị M đoàn tụ để nuôi dạy các con chung.

Về con chung: Anh và chị M có hai con chung đúng như chị M đã trình bày, nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Thùy D và Hồng M1 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung 01 lần số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu). Hiện nay anh Q làm ruộng, trồng chè, chăn nuôi thủy sản và gia cầm, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Anh Q đang sống cùng bố mẹ nên không có nhà riêng.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 20 tháng 3 năm 2020 về tình trạng hôn nhân và điều kiện chăm sóc con chung của nguyên đơn Là Thị M, bị đơn Lò Văn Q, ông Điêu Chính N - Trưởng bản N, xã B, huyện T và ông Lò Văn T, Phó chủ tịch UBND xã B, huyện T cho biết: Anh Lò Văn Q, chị Là Thị M ĐKKH năm 2016, đến năm 2018 anh Q và chị M nảy sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Về nuôi con chung: Để đảm bảo quyền lợi và điều kiện phát triển cho các con UBND xã đề nghị Tòa án giao con lớn cho anh Lò Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng và giao con nhỏ nhất cho chị Là Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lò Văn Q thuộc hộ cận nghèo của UBND xã B, thu nhập thực tế của anh Lò Văn Q không phải là 10.000.000 đồng/tháng mà mặt bằng chung thu nhập của hộ cận nghèo là 1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng/người.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 69, 71, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 147/BLTTDS năm 2015 và điểm a, khoản 5 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của UBTVQH. Đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung đề nghị giao con chung Lò Thị Thùy D cho anh Lò Văn Q, giao con chung Lò Thị Hồng M cho chị Là Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và ấn định nghĩa vụ chịu án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Là Thị M và anh Lò Văn Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã B trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị M, anh Q chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian từ năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù lời khai của anh lò Văn Q thì vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên kết quả xác minh tại địa phương cho thấy quan hệ hôn nhân của anh Q, chị M đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ năm 2018. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, cho ly hôn với anh Q. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì vậy HĐXX cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Là Thị M và anh Lò Văn Q có 02 con chung là Lò Thị Thùy D, sinh ngày 11/7/2015 và Lò Thị Hồng M1 sinh ngày 13/11/2016 chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Thị Hồng M1 anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Thị Thùy D cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị M không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Thùy D và Hồng M cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung 01 lần số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu). HĐXX xét thấy cả chị M, anh Q tuy đều trong độ tuổi lao động, nhu cầu trong việc nuôi con đều là nhu cầu chính đáng, tuy nhiên anh Q không chứng minh được mức thu nhập thực tế của mình, và anh thuộc diện hộ cận nghèo, mặt bằng chung thu nhập của hộ cận nghèo là 1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng/người. Để một mình anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung sẽ gây khó khăn cho anh Q bên cạnh đó còn có thể ảnh hưởng đến sự phát triển chung của con chưa thành niên. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Là Thị M để giao

cho nguyên đơn 01 người con chung để nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cho bị đơn 01 con chung. Hiện tại con chung Lò Thị Hồng M1, sinh ngày 13/11/2016 còn nhỏ hơn Lò Thị Thùy D, cần bàn tay chăm sóc của người mẹ hơn, vì vậy cần giao cháu Hồng M1 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Con chung Lò Thị Thùy D, sinh ngày 11/7/2015 cần được giao cho bị đơn Lò Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Q có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung 01 lần số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu) tuy nhiên HĐXX xem xét giao cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người 01 con chung, chị Là Thị M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lò Văn Q. Nguyên đơn, bị đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Cả nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Là Thị M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Là Thị M được ly hôn với bị đơn Lò Văn Q.

3. Về nuôi con chung: Giao con chung Lò Thị Hồng M1, sinh ngày 13/11/2016 cho nguyên đơn Là Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Giao con chung Lò Thị Thùy D, sinh ngày 11/7/2015 cho bị đơn Lò Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Cả nguyên đơn và bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Nguyên đơn, bị đơn không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Nguyên đơn Là Thị M phải chịu 300.000[đ] án phí dân sự sơ thẩm, chị M đã nộp 300.000[đ] tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0003821 ngày 20/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, nay 300.000[đ] đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh;
- VKSND H. Tam Đường;
- UBND xã B;
- Thi hành án DS;
- Người TGTT;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thanh Bắc